UBND HUYỆN PHÚ GIÁO

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 1 NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện Quý 1 năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**297.899**	**130.032**	**44%**	**184%**
I	**Thu cân đối NSNN**	**297.899**	**102.240**	**34%**	**145%**
1	Thu nội địa	297.899	102.240	34%	145%
2	Thu viện trợ				
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**27.792**		
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**1.010.441**	**233.108**	23%	166%
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**1.010.441**	**233.108**	23%	166%
1	Chi đầu tư phát triển	168.876	60.363	36%	892%
	Chi chuyển nguồn đầu tư XDCB		21.767		
2	Chi thường xuyên	819.814	133.588	16%	100%
3	Dự phòng ngân sách	21.751			
4	Chi tạm ứng		39.157		
III	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh**				

UBND HUYỆN PHÚ GIÁO

Biểu số 94/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện Quý 1 năm 2020	So sánh ước	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**297.899**	**102.240**	**34%**	**145%**
I	**Thu nội địa**	**297.899**	**102.240**	**34%**	**145%**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh	126.869	22.881	18%	74%
4	Thuế thu nhập cá nhân	32.400	10.450	32%	199%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	12.255	3.266	27%	189%
7	Thu phí, lệ phí	4.675	2.123	45%	103%
8	Các khoản thu về nhà, đất	105.700	60.691	57%	228%
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*				
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	700	8	1%	14%
-	*Thu tiền sử dụng đất*	74.000	60.537	82%	405%
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	31.000	146	0%	1%
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	16.000	2.829	18%	66%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	**Thu viện trợ**				
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**113.558**	**18.660**	**16%**	**61%**
1	Từ các khoản thu phân chia	56.961	12.126	21%	104%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	56.597	6.534	12%	35%

UBND HUYỆN PHÚ GIÁO

Biểu số 95/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 1 NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện Quý 1 năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B)	**1.010.441**	**233.108**	**23%**	**166%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**1.010.441**	**233.108**	**23%**	**166%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**168.876**	**60.363**	**36%**	**892%**
	Chi chuyển nguồn đầu tư xây dựng cơ bản		**21.767**		
II	**Chi thường xuyên**	**819.814**	**133.588**	**16%**	**100%**
	Trong đó:				
1	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề	265.469	51.942	20%	97%
2	Chi SN khoa học và công nghệ	550	90	16%	237%
3	Chi SN y tế, dân số và gia đình	47.628	7.749	16%	70%
4	Chi SN văn hóa thông tin, thể thao	24.076	7.310	30%	105%
5	Chi SN phát thanh	2.817	370	13%	107%
6	Chi SN bảo vệ môi trường	30.689	368	1%	694%
7	Chi SN kinh tế	107.333	3.349	3%	126%
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính,	73.968	10.621	14%	101%
9	Chi bảo đảm xã hội	40.926	12.801	31%	117%
10	Chi An ninh - Quốc phòng	23.501	3.002	13%	129%
-	*An ninh*	*7.104*	*614*	9%	115%
-	*Quốc phòng*	*16.397*	*2.388*	15%	133%
11	Chi khác ngân sách	5.989	566	9%	57%
12	Chi ngân sách xã, thị trấn	196.868	35.420	18%	105%
III	**Dự phòng ngân sách**	**21.751**			
IV	**Chi tạm ứng**		**39.157**		
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường				